

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 31/03/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Hà.

Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2024/TLST- DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXX-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị V, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1973 (có mặt).

2. Anh Nguyễn Công C, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị V trình bày: Bà V là chủ thảo, chị Th và anh C là hội viên đã tham gia 02 dây hội tháng, một tháng khai một lần mở vào các ngày cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Mở ngày 10/10/2022 âm lịch (là ngày 03/11/2022 dl), mãn hội ngày 10/9/2024 âm lịch (là ngày 12/10/2024 dl), hội 5.000.000đ, có 25 phần, chị Th, anh C tham gia 01 phần, đã hót hội lần khai hội thứ nhất bỏ thăm

1.500.000đ, hội viên đóng 3.500.000đ x 24 phần, trừ huê hồng 2.500.000đ nên giao hội số tiền 81.500.000đ. Sau khi hốt hội chị Th, anh C đóng hội chết được 09 lần, nợ lại 16 lần hội chết số tiền 80.000.000đ.

Dây thứ 2: Mở ngày 20/11/2022 âm lịch (là ngày 13/12/2022 dl), mần hội ngày 20/10/2024 âm lịch (là ngày 20/11/2024 dl), hội 2.000.000đ, có 25 phần, chị Th, anh C tham gia 01 phần, đã hốt hội lần khai hội thứ hai bỏ thăm 690.000đ, hội viên đóng 1.310.000đ x 23 phần, trừ huê hồng 1.000.000đ nên giao hội số tiền 31.130.000đ. Sau khi hốt hội chị Th, anh C đóng hội chết được 15 lần, nợ lại 10 lần hội chết số tiền 20.000.000đ. Sau đó chị Th có trả cho bà V số tiền 1.000.000đ nên còn nợ lại số tiền 19.000.000đ. Tổng cộng 02 dây hội chị Th, anh C nợ bà V số tiền là 99.000.000đ. Bà V khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Công C phải có nghĩa vụ trả bà V số tiền nợ trong hợp đồng góp hội là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng).

Tại bảng khai ý kiến ngày 06/01/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị Th trình bày: Chị Th thừa nhận có tham gia 02 dây hội tháng do bà V là chủ thảo, một tháng khai một lần mở vào các ngày cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Mở ngày 10/10/2022 âm lịch (là ngày 03/11/2022 dl), mần hội ngày 10/9/2024 âm lịch (là ngày 12/10/2024 dl), hội 5.000.000đ, có 25 phần, chị Th tham gia 01 phần, đã hốt hội lần khai hội thứ nhất bỏ thăm 1.500.000đ, hội viên đóng 3.500.000đ x 24 phần, trừ huê hồng 2.500.000đ nên chị Th nhận số tiền hội 81.500.000đ. Chị Th đóng hội chết được 09 lần, nợ lại 16 lần hội chết số tiền 80.000.000đ.

Dây thứ 2: Mở ngày 20/11/2022 âm lịch (là ngày 13/12/2022 dl), mần hội ngày 20/10/2024 âm lịch (là ngày 20/11/2024 dl), hội 2.000.000đ, có 25 phần, chị Th tham gia 01 phần, đã hốt hội lần khai hội thứ hai bỏ thăm 690.000đ, hội viên đóng 1.310.000đ x 23 phần, trừ huê hồng 1.000.000đ nên giao hội số tiền 31.130.000đ. Sau khi hốt hội chị Th đóng hội chết được 15 lần, nợ lại 10 lần hội chết số tiền 20.000.000đ. Chị Th có trả cho bà V số tiền hội 1.000.000đ nên còn nợ lại 19.000.000đ. Ngày 27/7/2023 chị Th và bà V có làm biên nhận chốt hội, chị Th nợ bà V tổng số tiền hội là 131.000.000đ. Do bà V có nợ tiền bà Ph nên cản trừ số tiền hội mà chị Th nợ bà V qua cho bà P là 32.000.000đ, chị Th chỉ còn nợ bà V số tiền hội là 99.000.000đ. Chị Th đồng ý trả bà V số tiền nợ trong hợp đồng góp hội là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng). Anh Nguyễn Công C là chồng chị Th có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh C có biết việc chị Th tham gia hội của bà V nhưng không biết số tiền nợ là bao nhiêu.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Công C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gửi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V giữ nguyên yêu cầu chị Th và anh C trả bà V số tiền nợ hui là 99.000.000đ. Chị Th đồng ý trả cho bà V số tiền nợ hui là 99.000.000đ. Anh Nguyễn Công C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng góp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo quy định tại Điều 26, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Vào các ngày 10/10/2022 âm lịch (là ngày 03/11/2022 dl) và ngày 20/11/2022 âm lịch (là ngày 13/12/2022 dl) giữa bà V và chị Th có thỏa thuận chơi hui với nhau, hui có lãi suất và có huê hồng, khi chơi hui có lập sổ hui, các lần chị Th hót hui có ký tên nhận tiền hui, chị Th có đóng hui chết, khi không còn khả năng đóng hui chết thì bà V và chị Th có kết hui lại với nhau thể hiện tại biên nhận kết hui ngày 27/07/2023 số tiền 99.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Th thừa nhận còn nợ bà V số tiền nợ hui là 99.000.000đ và đồng ý trả bà V số tiền này. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Th trả bà V số tiền 99.000.000đ.

[3] Anh Nguyễn Công C không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V là anh C đã từ bỏ quyền lợi của anh. Anh C không trực tiếp tham gia chơi hui, theo chị Th trình bày thì anh C biết chị Th chơi hui do bà V làm chủ thảo nhưng không biết chị Th nợ bà V số tiền bao nhiêu, chị Th chơi hui là để buôn bán đồ rầy lo kinh tế gia đình. Tại thời điểm chị Th chơi hui thì anh C là chồng chị Th, cùng làm ăn sinh sống với chị Th nên Hội đồng xét xử thống nhất buộc anh C có trách nhiệm cùng chị Th trả số tiền nợ hui 99.000.000đ cho bà V là phù hợp Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Th và anh C phải nộp án phí sơ thẩm do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận là: $99.000.000đ \times 5\% = 4.950.000 đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị V. Buộc chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Công C có trách nhiệm trả bà Võ Thị V số tiền nợ trong hợp đồng góp hụi là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Công C phải nộp án phí sơ thẩm là 4.950.000 đ (bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

- Bà Võ Thị V thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND huyện Vũng Liêm
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Ngọc Dung